

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2023/LĐ-PT
Ngày: 27/02/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng lao động và
tiền lương

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Giang
Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Minh Sang
Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Kim Thủy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 27 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 02/2023/TLPT-LĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng lao động và tiền lương”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 78/2022/LĐ-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 201/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 01 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số 1638/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: A N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty L2 & Các cộng sự.

(theo Giấy ủy quyền ngày 20/11/2020 và 31/12/2021).

Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1998 (có mặt).

(theo Giấy ủy quyền ngày 26/3/2022).

Địa chỉ liên lạc: Tầng C, số A Cô B, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Trọng T1, sinh năm 1986 (có mặt) và bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1984 (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt) - Luật sư Công ty TNHH L3 cộng sự thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

Cùng địa chỉ liên lạc: 185 (tầng C) Cô B, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ngân hàng TMCP X (E).

Trụ sở: Tầng 8, Văn phòng S+16 Tòa nhà V, số G L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 66A/2022/EIB/UQ-TGD ngày 28/6/2022): Bà Nguyễn Thị Tố U, sinh năm 1979 (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt) hoặc ông Nguyễn Tấn Q, sinh năm 1978 (có mặt) hoặc ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1986 (có mặt).

Cùng địa chỉ liên lạc: Tầng H, Văn phòng số L+16 Tòa nhà V, số G L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 29/3/2022, các bản khai, biên bản hòa giải và các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài T do bà Nguyễn Hoàng L đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 11/8/2020, Ngân hàng TMCP X (sau đây gọi tắt là E) đã gửi T3 mời nhận việc có thời hạn 45 ngày cho bà Nguyễn Thị Hoài T có nội dung chính như sau: Chức danh: Phó Giám đốc Văn phòng B1; đơn vị làm việc: Ban E; thời hạn hợp đồng lao động: 12 tháng (đánh giá lại sau 06 tháng); mức lương (bao gồm lương cơ bản và các khoản bảo hiểm theo quy định của pháp luật): 130.000.000 đồng/tháng; phụ cấp thu hút: 20.000.000 đồng/tháng; phụ cấp tiền ăn trưa: 50.000 đồng/ngày làm việc thực tế và phụ cấp khác: Theo quy định của E. Cùng ngày, bà T bắt đầu làm việc tại E theo Hợp đồng lao động số 209/2020/EIB-HĐLĐ đề ngày 12/8/2020 (gọi tắt là Hợp đồng 209) có thời hạn 12 tháng từ ngày 11/8/2020 đến hết ngày 10/8/2021, với các nội dung chính như sau: Chức danh: Theo sự phân công của Tổng Giám đốc; mô tả công việc: Theo sự phân công của T4 đơn vị trực tiếp; mức lương chính: L1 cơ bản là 16.130.664 đồng/tháng, tiền lương sẽ được điều chỉnh theo kết quả công tác, thời gian làm việc của người lao động và các quy định có liên quan của E; phụ cấp: Theo quy định của E; hình thức trả lương: Theo thời gian; kỳ hạn trả lương: Theo quy định của E và các nội dung khác liên quan đến quyền và nghĩa vụ của các bên. Mức lương ghi trên Hợp đồng 209 chỉ là mức lương cơ bản theo quy định của E, trên

thực tế bà T được nhận mức lương gộp theo Thư M nhận việc là 150.000.000 đồng/tháng (bao gồm lương cơ bản và các khoản phụ cấp theo quy định của pháp luật).

Kể từ ngày 11/8/2020, bà T bắt đầu làm việc tại E theo Hợp đồng 209 với vị trí Phó Giám Đốc Văn Phòng PMO, phụ trách dự án Ngân hàng V1, thành lập nhóm khách hàng ưu tiên, thí điểm thành công tại các chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thuộc E. Bà T đã xây dựng, kiện toàn được đội ngũ lãnh đạo nhóm, nhân viên bán hàng, chăm sóc khách hàng và triển khai dịch vụ khách hàng chất lượng cao, luôn hoàn thành tốt công việc, được đánh giá KPIs hạng A và được xem xét đến việc ký hợp đồng lao động mới sau khi Hợp đồng 209 hết hạn. Từ tháng 8 đến tháng 10/2021, do mâu thuẫn trong quy trình nội bộ, E đã chậm trễ và trì hoãn việc ký hợp đồng lao động mới với bà T. Ngày 05/10/2021, bà T đã không nhận được đầy đủ mức lương gộp là 150.000.000 đồng/tháng mà chỉ được nhận được 40.909.091 đồng (không bao gồm các khoản thêm/hỗ trợ) mặc dù bà T vẫn làm việc tại E theo chức danh và công việc phù hợp với Hợp đồng 209.

Ngày 22/10/2021, bà T được email từ bà Tôn Nữ Châu B - Trưởng Bộ phận Khối nguồn nhân lực - Phòng Đối tác nhân sự về việc gửi bản scan và đề nghị in, ký xác nhận Hợp đồng lao động mới số 862/2021/EIB-HĐLĐ/XĐTH đề ngày 21/10/2021 (gọi tắt là Hợp đồng 862), có thời hạn 12 tháng từ ngày 11/8/2021 đến ngày 10/8/2022, ghi nhận mức lương 29.800.000 đồng/tháng và xác định thông qua email đó là mức lương tham gia bảo hiểm, tổng lương không thay đổi, có nghĩa là bà T vẫn được nhận mức lương gộp là 150.000.000 đồng/tháng. Mặc dù E đã chậm trễ và trì hoãn việc ký kết hợp đồng lao động mới với bà T, đến ngày 25/10/2021, trên cơ sở thiện chí và mong muốn tiếp tục cống hiến cho E, bà T đã ký và gửi lại Hợp đồng 862 cho Phòng Đối tác nhân sự. Đến ngày 03/11/2021, E vẫn không có bất kỳ thông báo hay thực hiện việc ký kết Hợp đồng 862 để hai bên có cơ sở tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ trong quan hệ lao động. Do đó, bà T đã liên hệ Phòng Đối tác nhân sự đề nghị giải thích về sự việc này. Cùng ngày, bà T nhận được phản hồi qua email từ bà Tôn Nữ Châu B về việc xác nhận đã nhận được Hợp đồng 862 mà bà T đã thiện chí ký kết với thỏa thuận tổng lương không thay đổi là 150.000.000 đồng/tháng; Ban điều hành của E ng yêu cầu thực hiện một số văn bản và chưa ký Hợp đồng 862; Phòng Đối tác nhân sự đang xúc tiến nhanh quá trình để ký kết Hợp đồng 862 và Khối nguồn nhân lực - Phòng Dịch vụ nhân sự E đang thực hiện các thủ tục để trả lương vào tài khoản của bà T. Tuy nhiên, ngày 05/11/2021, bà T đã không nhận được đầy đủ tiền lương theo thỏa thuận là

150.000.000 đồng/tháng mà chỉ được nhận được 56.300.000 đồng (tiền lương tháng 10/2021) và 40.945.455 đồng (tiền lương truy lĩnh của tháng 09/2021), không bao gồm các khoản thêm/hỗ trợ.

Ngày 12/11/2021, bà T đã nhận được từ E bản chính thức Hợp đồng 862 có đầy đủ chữ ký và đóng dấu của các bên. Ngày 15/11/2021, thông qua email, bà T đã liên hệ E để yêu cầu cập nhật thông tin về tiền lương mà E chưa thanh toán đầy đủ cho bà T với mức lương gộp 150.000.000 đồng/tháng. Cùng ngày 15/11/2021, bà T được email từ ông Nguyễn Tấn Q - Phó phòng phụ trách Phòng Dịch vụ nhân sự về việc: Trong thời gian chờ đợi sự phê duyệt từ các cấp có thẩm quyền về lương và việc tái bổ nhiệm đối với bà T, Phòng Dịch vụ nhân sự đã tạm chi mức lương 56.300.000 đồng/tháng; Hợp đồng 862 không xác định chức danh, vị trí công việc, đề nghị xác định chức danh và vị trí công việc theo Hợp đồng 862; trong trường hợp chưa có sự phê duyệt của cấp có thẩm quyền, Phòng Dịch vụ nhân sự chỉ chi mức lương theo Hợp đồng 862 là 29.800.000 đồng/tháng (đã chi dư theo mức lương 56.300.000 đồng/tháng và sẽ thu hồi phần chênh lệch).

Ngày 24/11/2021, bà T đã thực hiện việc khiếu nại lần thứ nhất đến E theo đúng quy định về khiếu nại trong lĩnh vực lao động và yêu cầu E giải quyết để đảm bảo cho quyền và lợi ích chính đáng của bà T. Ngày 03/12/2021, bà T tiếp tục không nhận được đầy đủ tiền lương theo thỏa thuận là 150.000.000 đồng/tháng mà chỉ nhận được 56.300.000 đồng, không bao gồm các khoản thêm/hỗ trợ.

Ngày 24/01/2022, Phòng L4, Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành hòa giải yêu cầu thanh toán tiền lương nhưng E vẫn không đưa ra được câu trả lời thỏa đáng và được lập Biên bản hòa giải không thành. Ngày 28/01/2022, bà T vẫn không nhận được đầy đủ tiền lương theo thỏa thuận 150.000.000 đồng/tháng mà chỉ được nhận được lương theo mức 56.300.000 đồng (không bao gồm các khoản thêm/hỗ trợ), chỉ được nhận lương tháng thứ 13 và tiền thưởng KPIs trong năm 2021 (tương đương 02 tháng lương) theo mức lương 56.300.000 đồng. Sau quá trình thỏa thuận, ngày 14/02/2022 E đã ban hành Quyết định số 771/2022/EIB/QĐ-TGD về việc chấm dứt Hợp đồng 862. Bà T chỉ nhận được tiền lương tháng 02/2022 là 30.965.000 đồng, chưa nhận được Bảng kê thu nhập tháng 02/2022. Bà T đã hoàn thành các nghĩa vụ bàn giao công việc và không phát sinh bất kỳ nghĩa vụ nào khác với E. Tuy nhiên, E chưa thanh toán đầy đủ tiền lương cho bà T theo mức lương gộp 150.000.000 đồng/tháng. Nhận thấy quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu E phải thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 15/9/2022 là 815.377.753 đồng, bao gồm:

Tiền lương còn thiếu từ tháng 09/2021 đến ngày 15/02/2022 với mức lương gộp 150.000.000 đồng/tháng với số tiền 494.480.454 đồng; tiền lương tháng thứ 13 (năm 2021) còn thiếu theo mức lương gộp là 150.000.000 đồng/tháng với số tiền 93.700.000 đồng; tiền thưởng KPIs năm 2021 (tương đương 02 (hai) tháng lương) còn thiếu theo mức lương gộp 150.000.000 đồng/tháng với số tiền 187.400.000 đồng; tiền lương những ngày chưa nghỉ hằng năm (tương đương 05 (năm) ngày) còn thiếu theo mức lương gộp là 150.000.000 đồng/tháng với số tiền 22.309.523 đồng; thanh toán tiền lãi chậm trả đối với các khoản tiền chưa thanh toán đầy đủ tính theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng của E kể từ ngày thứ 15 chậm thanh toán đến ngày thanh toán đầy đủ trên thực tế (tạm tính đến ngày 15/9/2022) với số tiền 17.487.776 đồng.

Bị đơn Ngân hàng TMCP X (gọi tắt là E) do bà Nguyễn Thị Tố U, ông Nguyễn Tấn Q và ông Nguyễn Văn T2 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bị đơn xác nhận lời trình bày của nguyên đơn về các hợp đồng lao động được ký giữa nguyên đơn và bị đơn là đúng, tuy nhiên bị đơn không đồng ý với cách hiểu của nguyên đơn về mức lương, tiền thưởng của Hợp đồng 862, cụ thể như sau:

Ngày 06/8/2020, Hội đồng quản trị E có Nghị quyết số 392/2020/EIB/NQ-HĐQT về việc tiếp nhận và bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Hoài T, vị trí công tác: Phó Giám đốc Văn phòng P (phụ trách Dự án Ngân hàng VIP); mức lương và phụ cấp thu hút: Theo đề xuất của Ban Điều hành tại Tờ trình ngày 10/7/2020 (mức lương gross: 130.000.000 đồng/tháng; phụ cấp thu hút: 20.000.000 đồng/tháng); thời hạn hợp đồng 12 tháng, đánh giá lại sau 06 tháng; phụ cấp khác: Theo quy định của E. Ngày 11/8/2020, hai bên đã ký Hợp đồng lao động số 209/2020/EIB-HĐLĐ với các nội dung: Hợp đồng lao động xác định thời hạn 12 tháng, từ ngày 11/8/2020 đến hết ngày 10/8/2021; chức danh chuyên môn: Theo sự phân công của Tổng Giám đốc; mức lương chính hoặc tiền công: Lương cơ bản 16.130.664 đồng/tháng. Tiền lương (tiền công) sẽ được điều chỉnh theo kết quả công tác, thời gian làm việc của người lao động và các quy định có liên quan của E...

Hết hạn Hợp đồng 209, các bên tiếp tục thảo luận và ký Hợp đồng 862/2021/EIB-HĐLĐ/SĐTH ngày 21/10/2021 với các nội dung: Thời hạn 12 tháng, từ ngày 11/8/2021 đến hết ngày 10/8/2022; mức lương: 29.800.000 đồng/tháng, sẽ được điều chỉnh theo kết quả công việc, thời gian làm việc của người lao động và các quy định có liên quan của E theo từng thời kỳ; phụ cấp

lương: Theo quy định của E; các khoản bổ sung khác: Theo quy định của E; thưởng và các chế độ khác: Theo quy định của E theo từng thời kỳ...

Nguyên đơn cho rằng E đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền lương là không đúng. Ngày 10/8/2021, Hợp đồng 209 hết hiệu lực, E đã đàm phán lại với bà T để ký hợp đồng lao động mới. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hợp đồng lao động cũ hết hạn (ngày 09/9/2021), E tiếp tục trả lương và phụ cấp cho bà T theo Hợp đồng 209 với mức thu nhập 130.000.000 đồng/tháng; phụ cấp thu hút: 20.000.000 đồng/tháng. E đã thực hiện đúng quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 20 của Luật lao động năm 2019 (thực tế trong khoảng thời gian từ ngày 11/8/2021 đến ngày 08/9/2021, E đã thực hiện chi đủ mức thu nhập gộp đã thỏa thuận theo Hợp đồng 209 là 150.000.000 triệu đồng/tháng).

Ngày 08/9/2021 (vẫn trong thời hạn 30 ngày để các bên thỏa thuận ký hợp đồng lao động mới), do mức lương của bà T vẫn chưa được Hội đồng quản trị phê duyệt theo quy định nội bộ của E, đại diện E đã có buổi trao đổi trực tiếp với bà T, đồng thời E ban hành văn bản số 6915/2021/EIB/TB-TGD ngày 08/9/2021 về việc xử lý hợp đồng lao động có nội dung: “Do hợp đồng lao động số 209/2020/EIB-HĐLĐ ngày 12/8/2020 giữa E và bà T đã hết hạn kể từ ngày 11/8/2021. E đề xuất ký hợp đồng lao động mới với bà với nội dung như sau: Thời hạn hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày 08/9/2021 và phần công bà Nguyễn Thị Hoài Thu g chức danh Trưởng bộ phận Văn phòng PMO với mức lương 56.300.000 đồng. Trường hợp bà T đồng ý với nội dung này thì E và bà sẽ thực hiện ký kết hợp đồng lao động mới ngay trong ngày 08/9/2021... Trường hợp Bà Nguyễn Thị Hoài T không đồng ý với nội dung nêu trên thì hai bên chấm dứt quan hệ lao động do hợp đồng lao động số 209/2020/EIB-HĐLĐ ngày 12/08/2020 đã hết hạn”. Văn bản này được xem là thông báo chính thức của E gửi cho bà T về việc chấm dứt hợp đồng lao động. E sẽ thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ khi chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật. Đến hết ngày 08/9/2021 trở đi, bà T tiếp tục làm việc bình thường mà không có ý kiến gì, E hiểu rằng bà T đã đồng ý ký hợp đồng lao động với vị trí công việc và mức lương theo Thông báo số 6915/2021/EIB/TB-TGD của Tổng Giám đốc: “Hợp đồng lao động mới là hợp đồng lao động xác định thời hạn 12 tháng kể từ ngày 08/09/2021 và chức danh Trưởng Bộ phận Văn phòng PMO, với thu nhập 56.300.000 đồng/tháng (trong đó: lương cơ bản 29.800.000 đồng/tháng, lương kinh doanh 26.500.000 đồng/tháng)”. Do thời điểm này, khu vực Thành phố Hồ Chí Minh đang trong giai đoạn giãn cách xã hội nên đến ngày 21/10/2021, E và bà T mới tiến hành ký Hợp đồng 862 theo đúng nội dung Thông báo số 6915/2021/EIB/TB-TGD của Tổng Giám đốc E. Thực tế, E đã chi lương tháng

9/2021 cho bà T từ ngày 01/9/2021 đến ngày 08/9/2021 như sau: Chi mức thu nhập 150.000.000 đồng/tháng và từ ngày 09/9/2021 đến ngày 30/9/2021 chi mức thu nhập 56.300.000 đồng/tháng. Do Hội đồng quản trị chưa có quyết định về việc tái bổ nhiệm, mức thu nhập theo chức danh Phó Giám đốc Văn phòng P. Để thể hiện thiện chí của E trong quá trình thương thảo hợp đồng mới, trong thẩm quyền Tổng Giám đốc, E đã thông báo đến bà T việc ký hợp đồng lao động mới sẽ được thực hiện theo Thông báo số 6915/2021/EIB/TB-TGD ngày 08/9/2021. Nguyên đơn cho rằng E không trả lương đầy đủ theo mức lương 150.000.000 đồng/tháng theo Hợp đồng 209 là không đúng vì E đã có Thông báo số 6915/2021/EIB/TB-TGD ngày 08/09/2021 nêu rõ mức lương của bà T khi tiếp tục làm việc tại E theo hợp đồng lao động mới là 56.300.000 đồng/tháng. Do đó, E đã chi trả đủ lương cho bà T từ ngày 09/9/2021 cho đến khi bà nghỉ việc.

Ngoài ra, bị đơn không đồng ý các yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán các khoản tiền lương, thưởng theo mức lương gộp 150.000.000 đồng/tháng, bởi vì: Lương tháng 13 chỉ cho cán bộ nhân viên E được thực hiện theo Thông báo số 37/2022/EIB/TB-TGD ngày 05/01/2022 của Tổng Giám đốc, bà T công tác tại E đủ 12 tháng nên sẽ được chi 01 tháng lương (lương tháng 12/2021) theo hợp đồng lao động. Lương tháng 12/2021 của bà T là 56.300.000 đồng/tháng, E đã chi lương tháng 13 (năm 2021) cho bà T 56.300.000 đồng (G) là đúng quy định nội bộ của E; Bà T yêu cầu E thanh toán tiền thưởng theo kết quả KPIs (năm 2021) tương đương 02 tháng lương còn thiếu theo mức lương gộp 150.000.000 đồng với số tiền 187.000.000 đồng là không có cơ sở. Việc chi thưởng theo kết quả KPIs năm 2021 cho cán bộ nhân viên E được thực hiện theo Thông báo số 459/2022/EIB/TB-TGD ngày 24/01/2022 của Tổng Giám đốc. Kết quả KPIs năm 2021 của bà T loại B, theo đó bà T được thưởng 02 tháng lương, E đã chi thưởng KPIs năm 2021 cho bà T 112.600.000 đồng (G) là đúng quy định nội bộ của E. Khi thực hiện quyết toán thôi việc cho bà T, E đã thực hiện chi 05 ngày nghỉ phép hàng năm mà bà T chưa nghỉ với số tiền 13.404.762 đồng theo mức lương 56.300.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật lao động. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả đối với các khoản tiền chưa thanh toán là không có cơ sở. Bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 78/2022/LĐ-ST ngày 20/9/2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoài T về việc buộc Ngân hàng TMCP X

thanh toán: Tiền lương còn thiếu từ tháng 09/2021 đến ngày 15/02/2022 với mức lương gộp 150.000.000 đồng/tháng là 494.480.454 đồng; tiền lương tháng thứ 13 (năm 2021) còn thiếu theo mức lương gộp 150.000.000 đồng/tháng là 93.700.000 đồng; tiền thưởng KPIs (năm 2021) (tương đương 02 tháng lương) còn thiếu theo mức lương gộp 150.000.000 đồng/tháng là 187.400.000 đồng; tiền lương trả cho những ngày chưa nghỉ hằng năm (tương đương 05 (năm) ngày) còn thiếu theo mức lương gộp 150.000.000 đồng/tháng là 22.309.523 đồng; thanh toán tiền lãi chậm trả đối với các khoản tiền chưa thanh toán đầy đủ tính theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng của E kể từ ngày thứ 15 chậm thanh toán đến ngày thanh toán đầy đủ trên thực tế (tạm tính đến ngày 15/9/2022) là 17.487.776 đồng. Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và nghĩa vụ của đương sự trong giai đoạn thi hành án, quyền kháng cáo.

Ngày 04/10/2022, nguyên đơn nộp Đơn kháng cáo đề ngày 30/9/2022 kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án lao động sơ thẩm số 78/2022/LĐ-ST ngày 20/9/2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Nguyên đơn do bà Nguyễn Hoàng L đại diện theo ủy quyền giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn do ông Nguyễn Tấn Q, ông Nguyễn Văn T2 đại diện theo ủy quyền không đồng ý các nội dung kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên Luật sư Lê Trọng T1 trình bày: Quan hệ lao động giữa bà T và E tồn tại từ ngày 11/8/2020 đến khi hai bên thỏa thuận chấm dứt vào ngày 16/02/2022 với chức danh Phó Giám đốc Văn phòng PMO. Mặc dù Hợp đồng 209 đã kết thúc vào ngày 10/8/2021, tuy nhiên bà T vẫn tiếp tục làm việc tại E với vị trí Phó Giám đốc Văn phòng PMO và thực hiện các quyền, nghĩa vụ tương tự như Hợp đồng 209 kể từ ngày 11/8/2021 đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng 862. Như vậy, Hợp đồng 209 giữa hai bên trở thành hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Tuy nhiên, E lại yêu cầu bà T ký Hợp đồng 862 là không phù hợp với quy định của pháp luật, giữa bà T và E đã tồn tại quan hệ lao động hợp pháp trên cơ sở Điều 3.5 Bộ luật Lao động năm 2019. Tiền lương thể hiện tại Hợp đồng 862 chỉ là cơ sở để tham gia bảo hiểm

xã hội, lương thực lĩnh là 150.000.000 đồng/tháng đến ngày 09/9/2021. Ngày 24/8/2020, E đã gửi email thông báo (mật) tiền lương gộp của bà T là 150.000.000 đồng/tháng. Đây là thỏa thuận của hai bên về tiền lương gộp của bà T. Do đó, bà T được quyền hưởng phần lương gộp này đến ngày chấm dứt Hợp đồng 862. Những người đại diện cho Phòng nhân sự, trong đó có ông Nguyễn Tấn Q có đầy đủ thẩm quyền phê duyệt và thông báo mức lương của bà T là 150.000.000 đồng/tháng. E cho rằng tổng lương của bà T sẽ được quyết định và căn cứ dựa trên Thông báo 6915 ngày 08/9/2021 nhưng ngày 01/10/2021 lại có Tờ trình có chữ ký của Tổng giám đốc trình Hội đồng Quản trị đề nghị phê duyệt tổng thu nhập cho bà T là 150.000.000 đồng/tháng. Do đó, Thông báo số 6915 chỉ là một văn bản thông báo về một đề xuất, không phải quyết định của Tổng Giám đốc E nên Thông báo này không có giá trị áp dụng. Căn cứ Nghị quyết 426 của Hội đồng quản trị E về hệ thống thang bậc lương đã thể hiện ý chí của E từ ngày 09/9/2021 đến ngày 16/02/2022 không thay đổi chức vụ và mức lương của bà T. Tại buổi hòa giải ngày 24/01/2022 do Phòng L4 chủ trì, người đại diện của E đã thống nhất trả tiền lương còn thiếu của bà T chậm nhất là ngày 28/02/2022 nhưng bị đơn không thực hiện. E đã vi phạm nghĩa vụ trả lương theo quy định của pháp luật về lao động theo mức lương gộp đã thỏa thuận với bà T nên nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn thanh toán đầy đủ tiền lương và tiền lãi do chậm thanh toán. Nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã không đánh giá toàn diện, khách quan các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; bị đơn có nghĩa vụ cung cấp các tài liệu, chứng cứ về quy chế lương, phụ cấp, trợ cấp, các khoản bổ sung khác; các quy chế, quy định về xác định tiền lương, chi trả tiền lương cho người lao động của E làm cơ sở giải quyết vụ án. E đã không chứng minh được đã thỏa thuận tiền lương và các khoản hỗ trợ thêm giữa bà T và E là 56.300.000 đồng/tháng. Căn cứ các Điều 4, 93, 94, 97 và Điều 104 Bộ luật Lao động 2019, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án lao động sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Có thông báo bằng văn bản cho các đương sự và Viện kiểm sát cùng cấp về việc thụ lý vụ án, quyết định xét xử cùng hồ sơ vụ án chuyển Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn quy định tại Điều

292 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy kháng cáo của nguyên đơn không có cơ sở, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 78/2022/LĐ-ST ngày 20/9/2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp hành pháp luật tố tụng và nội dung của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn thực hiện trong thời hạn luật định nên được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận.

[1.2] Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ lao động giữa hai bên: Bà Nguyễn Thị Hoài T và E xác lập quan hệ lao động theo Hợp đồng lao động số 209/2020/EIB-HĐLĐ ngày 12/8/2020 có thời hạn 12 tháng (từ ngày 11/8/2020 đến ngày 10/8/2021) và Hợp đồng lao động số 862/2021/EIB-HĐLĐ/XĐTH ngày 21/10/2021. Xét hình thức, nội dung hai hợp đồng lao động này là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật về lao động, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên. Theo Quyết định 771/2022/EIB/QĐ-TGD ngày 14/02/2022, bà T và E đã thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng 862 kể từ ngày 16/02/2022.

[2.2] Hợp đồng 209 có thời hạn 01 năm, bắt đầu từ ngày 11/8/2020 đến hết ngày 10/8/2021. Tuy nhiên, bà T vẫn tiếp tục làm việc tại E. Trong thời hạn

30 ngày, kể từ Hợp đồng 209 hết hạn, E đã trả lương và phụ cấp cho bà T theo mức lương gộp 150.000.000 đồng/tháng. Từ ngày 01/9/2021 đến ngày 08/9/2021, tiền lương và phụ cấp của bà T là 150.000.000 đồng/tháng; từ ngày 09/9/2021 đến ngày 30/9/2021 tiền lương và phụ cấp của bà T là 56.300.000 đồng/tháng.

[2.3] Hợp đồng 862 giữa bà T và E được ký ngày 21/10/2021, tuy nhiên hai bên thỏa thuận hợp đồng có hiệu lực từ ngày 11/8/2021 đến hết ngày 10/8/2022. Xét thấy, thời điểm ký hợp đồng này, Thành phố Hồ Chí Minh đang thực hiện nghiêm giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19. Đây là nguyên nhân khách quan dẫn đến Hợp đồng 862 được ký sau thời gian hiệu lực của hợp đồng bắt đầu. Tuy nhiên, điều này không ảnh hưởng đến hiệu lực của hợp đồng, ý chí của các bên trong việc xác lập quan hệ lao động.

[2.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn cùng xác nhận thẩm quyền phê duyệt mức lương và chức vụ của bà T thuộc Hội đồng quản trị của E, không thuộc thẩm quyền của các phòng, ban. Căn cứ Nghị quyết số 219/2020/EIB/NQ-HDQT ngày 15/4/2020 của Hội đồng quản trị E, ngày 08/9/2021 Tổng Giám đốc E đã ban hành Thông báo số 6915/2021/EIB/TB-TGD đến bà T về các điều kiện thỏa thuận để các bên ký hợp đồng lao động mới hoặc chấm dứt hợp đồng 209. Như vậy, E đã thực hiện hiện đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 Bộ luật Lao động năm 2019 khi Hợp đồng 209 hết hạn, đã thanh toán tiền lương, phụ cấp cho bà T và thỏa thuận ký hợp đồng lao động mới. Xét thấy Vi bằng số 4902/2021/VB-TPLQ.10 do Văn phòng T5 lập ngày 17/12/2021 không thể hiện chứng cứ chứng minh giữa người có thẩm quyền phê duyệt mức lương, phụ cấp của E và bà T đã thỏa thuận tiền lương, phụ cấp của bà T theo Hợp đồng 862 với số tiền lương, phụ cấp 150.000.000 đồng/tháng. Do đó, những thư điện tử (email) trao đổi thể hiện tại Vi bằng số 4902/2021/VB-TPLQ.10 ngày 17/12/2021 không có cơ sở xác định tiền lương, phụ cấp của bà T theo Hợp đồng 862 là 150.000.000 đồng/tháng. Nội dung Thông báo số 6915 thể hiện ý chí của E về mức lương để các bên tiếp tục giao kết hợp đồng lao động là 56.300.000 đồng/tháng. Trường hợp bà T không đồng ý thì quan hệ lao động giữa hai bên chấm dứt. Trong thông báo có nêu rõ, trường hợp bà T đồng ý thì các bên ký kết hợp đồng lao động mới, trường hợp không đồng ý thì quan hệ lao động chấm dứt. Bà T xác nhận đã nhận được Thông báo số 6915 vào ngày 08/9/2021 và tiếp tục làm việc tại E, đồng thời ký Hợp đồng 862 và không thắc mắc hay khiếu nại gì về việc ký hợp đồng lao động này. Do đó, quyền, nghĩa vụ

của các bên được điều chỉnh theo Hợp đồng 862. Nguyên đơn cho rằng sau khi nhận được Thông báo số 6915 vào ngày 08/9/2021, bà T không đồng ý và thực hiện khiếu nại và có làm việc với ông Nguyễn Hồ Hoàng V - Phó Tổng giám đốc E vào ngày 13/9/2021. Tuy nhiên, bị đơn phủ nhận lời trình bày này của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ cho lời trình bày này nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[2.5] Về yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn cung cấp Quy chế lương; Quy chế về phụ cấp, trợ cấp, các khoản bổ sung khác; các quy chế, quy định về xác định tiền lương, chi trả tiền lương cho người lao động của E. Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn và bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ cần thiết, có liên quan đến các nội dung tranh chấp, làm cơ sở giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. E đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ chứng minh liên quan đến tranh chấp theo yêu cầu khởi kiện của bà T. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận đề nghị này của nguyên đơn.

[2.6] Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các thỏa thuận giữa bà T và E tại Hợp đồng 862, Thông báo số 6915 ngày 08/9/2021, Thông báo số 37/2022/EIB/TB-TGD ngày 05/01/2022, Thông báo số 459/2022/EIB/TB-TGD ngày 24/01/2022 về việc chi thưởng KPIs cá nhân cho cán bộ, nhân viên E và căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định trong thời gian bà T làm việc tại E, bị đơn đã thực hiện chi trả tiền lương, phụ cấp, tiền lương tháng thứ 13 (năm 2021), tiền thưởng, tiền phép những ngày chưa nghỉ hàng năm cho bà T đầy đủ nên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền lương còn thiếu từ tháng 9/2021 đến ngày 15/02/2022 với số tiền 494.480.454 đồng, tiền lương tháng thứ 13 (năm 2021) còn thiếu theo mức lương gộp là 150.000.000 đồng/tháng với số tiền 93.700.000 đồng, tiền thưởng KPIs (năm 2021) còn thiếu theo mức lương 150.000.000 đồng/tháng là 187.400.000 đồng, tiền lương những ngày chưa nghỉ hàng năm theo mức lương gộp là 150.000.000 đồng/tháng với số tiền 22.309.523 đồng và tiền lãi chậm trả đối với các khoản tiền chưa thanh toán với số tiền tạm tính đến ngày 15/9/2022 là 17.487.776 đồng, là phù hợp nên Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên.

[3] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như nhận định tại phần trên của bản án, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến này của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 78/2022/LĐ-ST ngày 20/9/2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Án phí lao động sơ thẩm: Căn cứ các Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn được miễn nộp án phí lao động sơ thẩm về tranh chấp tiền lương; đối với các yêu cầu khởi kiện đòi tiền lương tháng 13, tiền thưởng, tiền nghỉ phép năm và tiền lãi trên mức lương yêu cầu do bị đơn thanh toán thiếu, nguyên đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận. Bị đơn không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

[6] Án phí lao động phúc thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí lao động phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo về đòi tiền lương tháng 13, tiền thưởng, tiền nghỉ phép năm và tiền lãi trên mức lương yêu cầu do bị đơn thanh toán thiếu không được chấp nhận; bị đơn không phải chịu án phí lao động phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 32, khoản 2 Điều 148, Điều 293, khoản 2 Điều 296, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

Các Điều 5, 13, 14, khoản 2 Điều 20 và Điều 188 Bộ luật Lao động năm 2019;

Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài T. Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 78/2022/LĐ-ST ngày 20/9/2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoài T về việc buộc Ngân hàng TMCP X thanh toán:

1.1. Tiền lương còn thiếu từ tháng 9/2021 đến ngày 15/02/2022 theo mức lương gộp 150.000.000 đồng/tháng với số tiền 494.480.454 đồng (bốn trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi nghìn bốn trăm năm mươi bốn đồng).

1.2. Tiền lương tháng thứ 13 (năm 2021) còn thiếu theo mức lương gộp 150.000.000 đồng/tháng với số tiền 93.700.000 đồng (chín mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

1.3. Tiền thưởng KPIs (năm 2021) (tương đương 02 (hai) tháng lương) còn thiếu theo mức lương gộp 150.000.000 đồng/tháng với số tiền 187.400.000 đồng (một trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng).

1.4. Tiền lương trả cho những ngày chưa nghỉ hằng năm (tương đương 05 (năm) ngày) còn thiếu theo mức lương gộp 150.000.000 đồng/tháng với số tiền 22.309.523 đồng (hai mươi hai triệu ba trăm lẻ chín nghìn năm trăm hai mươi ba đồng).

1.5. Tiền lãi chậm trả đối với các khoản tiền chưa thanh toán đầy đủ tính theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng của E kể từ ngày thứ 15 chậm thanh toán đến ngày thanh toán đầy đủ trên thực tế (tạm tính đến ngày 15/9/2022) với số tiền 17.487.776 đồng (mười bảy triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi sáu đồng).

2. Án phí lao động sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Thị Hoài T được miễn án phí lao động sơ thẩm đối với tranh chấp lao động về tiền lương.

2.2. Bà Nguyễn Thị Hoài T phải chịu án phí lao động sơ thẩm trên số tiền không được Tòa án chấp nhận là 9.626.919 đồng (chín triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm mười chín đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.583.116 đồng (tám triệu năm trăm tám mươi ba nghìn một trăm mười sáu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005742 ngày 29/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T còn phải nộp 1.043.803 đồng (một triệu không trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm lẻ ba đồng) án phí lao động sơ thẩm.

2.3. Ngân hàng TMCP X không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

3. Án phí lao động phúc thẩm:

3.1. Bà Nguyễn Thị Hoài T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000465 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Ngân hàng TMCP X không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Đường sự;
- Lưu (T18).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC
THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Trúc